

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2019.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Truyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Toàn;

2. Ông Nguyễn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TH, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ; chỗ ở hiện nay: Thôn TT, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn C, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn TH, xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ. (vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đoàn Văn C kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1994 và đăng ký kết hôn tại UBND xã MCT, huyện PM, tỉnh BĐ vào ngày 05

tháng 9 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Nguyên đơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn.

+ Về con chung: Có 03 người là Đoàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/11/1995; Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 03/3/1997 và Đoàn Khánh D, sinh ngày 10/02/1999. Hiện nay các con đã trưởng thành và đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết, nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 07/6/2019, bị đơn anh Đoàn Văn C trình bày:

+ Về thời gian, điều kiện kết hôn bị đơn thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do nguyên đơn có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Bị đơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

+ Về con chung: Có 03 người là Đoàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/11/1995; Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 03/3/1997 và Đoàn Khánh D, sinh ngày 10/02/1999. Hiện nay các con đã trưởng thành và đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết, nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Các con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C là Đoàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/11/1995; Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 03/3/1997; Đoàn Khánh D, sinh ngày 10/02/1999. Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C xác định thống nhất: Các người con đã trưởng thành, đủ khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn anh Đoàn Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Đoàn Văn C.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại xã MCT, huyện PM, tỉnh BÐ. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C tự nguyện tìm hiểu, đi đến chung sống năm 1994 và đăng ký kết hôn tại UBND xã MCT, huyện PM, tỉnh BÐ ngày 05/9/2002; nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C đều cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị T và anh C thống nhất ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; lời trình bày của chị T và anh C là hoàn toàn tự

nguyện, phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

[3] Về con chung: Có 03 người là Đoàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/11/1995; Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 03/3/1997; Đoàn Khánh D, sinh ngày 10/02/1999. Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C đều thống nhất, hiện nay các con chung đã trưởng thành, đủ sức khoẻ tự lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C trình bày thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

2. Về con chung: Có 03 người là Đoàn Thị Thu T1, sinh ngày 01/11/1995; Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 03/3/1997; Đoàn Khánh D, sinh ngày 10/02/1999. Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C đều thống nhất, hiện nay các con chung đã trưởng thành, đủ sức khoẻ tự lao động nuôi sống bản thân và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn C thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000756 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đoàn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- UBND xã MCT;
- Lưu VP- HSV.A.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Truyền